



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HOA SEN
 ĐC: Số 09, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương
 VPĐD: 183 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM
 Tổng đài tư vấn: 1800 1515
 Website: www.hoasengroup.vn
 Nhà máy: **CÔNG TY TNHH MTV VLXD HOA SEN**
 ĐC: KCN Phú Mỹ I, TT Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, BR - VT



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN uPVC HOA SEN MIỀN NAM

Khu vực áp dụng: Từ Quảng Bình trở vào Nam

(Hiệu lực áp dụng từ ngày 03/01/2020 đến khi có thông báo giá mới)

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/đvt)
	CO 90°			
1	Co uPVC 21 mỏng	Cái	1,200	1,320
2	Co uPVC 21 dày	Cái	2,100	2,310
3	Co uPVC 27 mỏng	Cái	1,800	1,980
4	Co uPVC 27 dày	Cái	3,400	3,740
5	Co uPVC 34 mỏng	Cái	2,800	3,080
6	Co uPVC 34 dày	Cái	4,800	5,280
7	Co uPVC 42 mỏng	Cái	3,600	3,960
8	Co uPVC 42 dày	Cái	7,300	8,030
9	Co uPVC 49 mỏng	Cái	3,700	4,070
10	Co uPVC 49 dày	Cái	11,400	12,540
11	Co uPVC 60 mỏng	Cái	6,800	7,480
12	Co uPVC 60 dày	Cái	18,200	20,020
13	Co uPVC 76 mỏng	Cái	12,400	13,640
14	Co uPVC 76 dày	Cái	35,000	38,500
15	Co uPVC 90 mỏng	Cái	16,800	18,480
16	Co uPVC 90 dày	Cái	45,400	49,940
17	Co uPVC 110 mỏng	Cái	35,000	38,500
18	Co uPVC 110 dày	Cái	73,400	80,740
19	Co uPVC 114 mỏng	Cái	39,400	43,340
20	Co uPVC 114 dày	Cái	104,800	115,280
21	Co uPVC 140 mỏng	Cái	74,700	82,170
22	Co uPVC 140 dày	Cái	138,000	151,800
23	Co uPVC 160 mỏng	Cái	109,400	120,340
24	Co uPVC 160 dày	Cái	270,100	297,110
25	Co uPVC 168 mỏng	Cái	109,300	120,230
26	Co uPVC 168 dày	Cái	240,000	264,000
27	Co uPVC 200 mỏng	Cái	238,300	262,130
28	Co uPVC 200 dày	Cái	320,000	352,000
29	Co uPVC 220 mỏng	Cái	253,300	278,630
30	Co uPVC 220 dày	Cái	584,500	642,950

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/đvt)
31	Co uPVC 250 mỏng	Cái	600,050	660,055
32	Co uPVC 280 mỏng	Cái	1,064,400	1,170,840
33	Co uPVC 315 mỏng	Cái	1,245,500	1,370,050
	CO REN TRONG			
34	Co ren trong uPVC 21 dày	Cái	2,000	2,200
35	Co ren trong uPVC 27 dày	Cái	2,500	2,750
36	Co ren trong uPVC 34 dày	Cái	5,000	5,500
37	Co ren trong uPVC 42 dày	Cái	9,700	10,670
38	Co ren trong uPVC 49 dày	Cái	14,800	16,280
39	Co uPVC 21/ren trong 27 dày	Cái	3,200	3,520
40	Co uPVC 27/ren trong 21 dày	Cái	3,200	3,520
41	Co uPVC 27/ren trong 34 dày	Cái	4,800	5,280
42	Co uPVC 34/ren trong 27 dày	Cái	8,500	9,350
	CO REN NGOÀI			
43	Co ren ngoài uPVC 21 dày	Cái	3,200	3,520
44	Co ren ngoài uPVC 27 dày	Cái	4,000	4,400
45	Co ren ngoài uPVC 34 dày	Cái	7,100	7,810
46	Co ren ngoài uPVC 42 dày	Cái	11,200	12,320
47	Co uPVC 21/ren ngoài 27 dày	Cái	3,500	3,850
48	Co uPVC 27/ren ngoài 21 dày	Cái	4,000	4,400
49	Co uPVC 27/ren ngoài 34 dày	Cái	6,700	7,370
50	Co uPVC 34/ren ngoài 21 dày	Cái	4,300	4,730
51	Co uPVC 34/ren ngoài 27 dày	Cái	5,300	5,830
	CO REN TRONG THAU			
52	Co ren trong thau uPVC 21 dày	Cái	10,100	11,110
53	Co ren trong thau uPVC 27 dày	Cái	17,000	18,700
54	Co uPVC 21/ren trong thau 27 dày	Cái	13,100	14,410
55	Co uPVC 27/ren trong thau 21 dày	Cái	11,000	12,100
56	Co uPVC 34/ren trong thau 21 dày	Cái	13,800	15,180
	CO REN NGOÀI THAU			
57	Co ren ngoài thau uPVC 21 dày	Cái	13,900	15,290
58	Co ren ngoài thau uPVC 27 dày	Cái	23,200	25,520
59	Co uPVC 27/ren ngoài thau 21 dày	Cái	21,100	23,210
	CO GIẢM			
60	Co giảm uPVC 27/21 dày	Cái	2,400	2,640
61	Co giảm uPVC 34/21 dày	Cái	3,300	3,630
62	Co giảm uPVC 34/27 dày	Cái	3,700	4,070
63	Co giảm uPVC 42/21 mỏng	Cái	5,200	5,720

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/đvt)
64	Co giảm uPVC 42/21 dày	Cái	6,200	6,820
65	Co giảm uPVC 42/27 dày	Cái	5,300	5,830
66	Co giảm uPVC 42/34 dày	Cái	6,100	6,710
67	Co giảm uPVC 49/21 mỏng	Cái	5,500	6,050
68	Co giảm uPVC 49/21 dày	Cái	6,000	6,600
69	Co giảm uPVC 49/27 mỏng	Cái	6,000	6,600
70	Co giảm uPVC 49/27 dày	Cái	6,300	6,930
71	Co giảm uPVC 49/34 mỏng	Cái	7,100	7,810
72	Co giảm uPVC 49/34 dày	Cái	7,600	8,360
73	Co giảm uPVC 49/42 mỏng	Cái	8,300	9,130
74	Co giảm uPVC 49/42 dày	Cái	14,900	16,390
75	Co giảm uPVC 60/27 mỏng	Cái	7,900	8,690
76	Co giảm uPVC 60/34 mỏng	Cái	8,800	9,680
77	Co giảm uPVC 90/34 dày	Cái	25,800	28,380
78	Co giảm uPVC 90/49 mỏng	Cái	11,400	12,540
79	Co giảm uPVC 90/49 dày	Cái	29,600	32,560
80	Co giảm uPVC 90/60 mỏng	Cái	11,800	12,980
81	Co giảm uPVC 90/60 dày	Cái	30,700	33,770
82	Co giảm uPVC 114/60 mỏng	Cái	22,300	24,530
83	Co giảm uPVC 114/60 dày	Cái	50,900	55,990
84	Co giảm uPVC 114/90 mỏng	Cái	25,000	27,500
85	Co giảm uPVC 114/90 dày	Cái	57,100	62,810
	NỐI			
86	Nối uPVC 21 mỏng	Cái	1,100	1,210
87	Nối uPVC 21 dày	Cái	1,600	1,760
88	Nối uPVC 27 mỏng	Cái	1,400	1,540
89	Nối uPVC 27 dày	Cái	2,200	2,420
90	Nối uPVC 34 mỏng	Cái	1,600	1,760
91	Nối uPVC 34 dày	Cái	3,700	4,070
92	Nối uPVC 42 mỏng	Cái	2,800	3,080
93	Nối uPVC 42 dày	Cái	5,100	5,610
94	Nối uPVC 49 mỏng	Cái	3,100	3,410
95	Nối uPVC 49 dày	Cái	7,900	8,690
96	Nối uPVC 60 mỏng	Cái	3,400	3,740
97	Nối uPVC 60 dày	Cái	12,200	13,420
98	Nối uPVC 76 mỏng	Cái	5,500	6,050
99	Nối uPVC 76 dày	Cái	24,200	26,620
100	Nối uPVC 90 mỏng	Cái	8,400	9,240

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/đvt)
101	Nối uPVC 90 dày	Cái	25,000	27,500
102	Nối uPVC 110 mỏng	Cái	13,800	15,180
103	Nối uPVC 114 mỏng	Cái	16,400	18,040
104	Nối uPVC 114 dày	Cái	52,800	58,080
105	Nối uPVC 140 dày	Cái	85,200	93,720
106	Nối uPVC 160 dày	Cái	129,400	142,340
107	Nối uPVC 168 mỏng	Cái	63,700	70,070
108	Nối uPVC 168 dày	Cái	203,500	223,850
109	Nối uPVC 220 dày	Cái	445,500	490,050
	NỐI GIẢM			
110	Nối giảm uPVC 27/21 mỏng	Cái	1,300	1,430
111	Nối giảm uPVC 27/21 dày	Cái	2,100	2,310
112	Nối giảm uPVC 34/21 mỏng	Cái	1,700	1,870
113	Nối giảm uPVC 34/21 dày	Cái	2,600	2,860
114	Nối giảm uPVC 34/27 mỏng	Cái	1,700	1,870
115	Nối giảm uPVC 34/27 dày	Cái	3,000	3,300
116	Nối giảm uPVC 42/21 mỏng	Cái	2,400	2,640
117	Nối giảm uPVC 42/21 dày	Cái	3,800	4,180
118	Nối giảm uPVC 42/27 mỏng	Cái	2,400	2,640
119	Nối giảm uPVC 42/27 dày	Cái	4,000	4,400
120	Nối giảm uPVC 42/34 mỏng	Cái	3,000	3,300
121	Nối giảm uPVC 42/34 dày	Cái	4,600	5,060
122	Nối giảm uPVC 49/21 mỏng	Cái	2,500	2,750
123	Nối giảm uPVC 49/21 dày	Cái	5,400	5,940
124	Nối giảm uPVC 49/27 mỏng	Cái	2,500	2,750
125	Nối giảm uPVC 49/27 dày	Cái	5,700	6,270
126	Nối giảm uPVC 49/34 mỏng	Cái	3,300	3,630
127	Nối giảm uPVC 49/34 dày	Cái	6,300	6,930
128	Nối giảm uPVC 49/42 mỏng	Cái	3,000	3,300
129	Nối giảm uPVC 49/42 dày	Cái	6,700	7,370
130	Nối giảm uPVC 60/21 mỏng	Cái	3,300	3,630
131	Nối giảm uPVC 60/21 dày	Cái	8,100	8,910
132	Nối giảm uPVC 60/27 mỏng	Cái	3,500	3,850
133	Nối giảm uPVC 60/27 dày	Cái	8,500	9,350
134	Nối giảm uPVC 60/34 mỏng	Cái	4,000	4,400
135	Nối giảm uPVC 60/34 dày	Cái	9,300	10,230
136	Nối giảm uPVC 60/42 mỏng	Cái	4,000	4,400
137	Nối giảm uPVC 60/42 dày	Cái	9,800	10,780

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/đvt)
138	Nối giảm uPVC 60/49 mỏng	Cái	4,100	4,510
139	Nối giảm uPVC 60/49 dày	Cái	10,100	11,110
140	Nối giảm uPVC 76/27 mỏng	Cái	5,800	6,380
141	Nối giảm uPVC 76/34 dày	Cái	14,300	15,730
142	Nối giảm uPVC 76/42 mỏng	Cái	5,900	6,490
143	Nối giảm uPVC 76/42 dày	Cái	18,700	20,570
144	Nối giảm uPVC 76/49 mỏng	Cái	5,900	6,490
145	Nối giảm uPVC 76/49 dày	Cái	16,300	17,930
146	Nối giảm uPVC 76/60 mỏng	Cái	6,500	7,150
147	Nối giảm uPVC 76/60 dày	Cái	20,900	22,990
148	Nối giảm uPVC 90/21 dày	Cái	18,600	20,460
149	Nối giảm uPVC 90/27 mỏng	Cái	8,200	9,020
150	Nối giảm uPVC 90/27 dày	Cái	19,900	21,890
151	Nối giảm uPVC 90/34 mỏng	Cái	8,400	9,240
152	Nối giảm uPVC 90/34 dày	Cái	20,000	22,000
153	Nối giảm uPVC 90/42 mỏng	Cái	8,800	9,680
154	Nối giảm uPVC 90/42 dày	Cái	20,000	22,000
155	Nối giảm uPVC 90/49 mỏng	Cái	9,400	10,340
156	Nối giảm uPVC 90/49 dày	Cái	20,100	22,110
157	Nối giảm uPVC 90/60 mỏng	Cái	9,600	10,560
158	Nối giảm uPVC 90/60 dày	Cái	20,500	22,550
159	Nối giảm uPVC 90/76 dày	Cái	25,100	27,610
160	Nối giảm uPVC 110/34 mỏng	Cái	17,100	18,810
161	Nối giảm uPVC 110/42 mỏng	Cái	17,300	19,030
162	Nối giảm uPVC 110/60 mỏng	Cái	17,300	19,030
163	Nối giảm uPVC 110/90 mỏng	Cái	17,900	19,690
164	Nối giảm uPVC 110/90 dày	Cái	29,500	32,450
165	Nối giảm uPVC 114/34 mỏng	Cái	11,000	12,100
166	Nối giảm uPVC 114/34 dày	Cái	39,100	43,010
167	Nối giảm uPVC 114/42 mỏng	Cái	11,900	13,090
168	Nối giảm uPVC 114/42 dày	Cái	39,600	43,560
169	Nối giảm uPVC 114/49 mỏng	Cái	12,800	14,080
170	Nối giảm uPVC 114/49 dày	Cái	39,800	43,780
171	Nối giảm uPVC 114/60 mỏng	Cái	13,800	15,180
172	Nối giảm uPVC 114/60 dày	Cái	40,400	44,440
173	Nối giảm uPVC 114/76 mỏng	Cái	17,500	19,250
174	Nối giảm uPVC 114/76 dày	Cái	40,800	44,880
175	Nối giảm uPVC 114/90 mỏng	Cái	13,900	15,290

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/đvt)
176	Nối giảm uPVC 114/90 dày	Cái	45,100	49,610
177	Nối giảm uPVC 140/90 mỏng	Cái	31,600	34,760
178	Nối giảm uPVC 140/90 dày	Cái	115,500	127,050
179	Nối giảm uPVC 140/110 dày	Cái	96,900	106,590
180	Nối giảm uPVC 140/114 mỏng	Cái	86,300	94,930
181	Nối giảm uPVC 140/114 dày	Cái	103,000	113,300
182	Nối giảm uPVC 168/90 dày	Cái	143,500	157,850
183	Nối giảm uPVC 168/114 mỏng	Cái	55,000	60,500
184	Nối giảm uPVC 168/114 dày	Cái	165,600	182,160
185	Nối giảm uPVC 168/140 dày	Cái	187,400	206,140
186	Nối giảm uPVC 200/110 dày	Cái	149,000	163,900
187	Nối giảm uPVC 200/160 dày	Cái	159,300	175,230
188	Nối giảm uPVC 220/168 dày	Cái	445,300	489,830
	NỐI REN TRONG			
189	Nối ren trong uPVC 21 dày	Cái	1,600	1,760
190	Nối ren trong uPVC 27 dày	Cái	2,400	2,640
191	Nối ren trong uPVC 34 dày	Cái	3,700	4,070
192	Nối ren trong uPVC 42 dày	Cái	5,000	5,500
193	Nối ren trong uPVC 49 dày	Cái	7,400	8,140
194	Nối ren trong uPVC 60 dày	Cái	11,600	12,760
195	Nối ren trong uPVC 76 dày	Cái	19,900	21,890
196	Nối ren trong uPVC 90 dày	Cái	25,800	28,380
197	Nối uPVC 21/ren trong 27 dày	Cái	2,100	2,310
198	Nối uPVC 27/ren trong 21 dày	Cái	2,000	2,200
199	Nối uPVC 34/ren trong 27 dày	Cái	3,000	3,300
	NỐI REN NGOÀI			
200	Nối ren ngoài uPVC 21 dày	Cái	1,400	1,540
201	Nối ren ngoài uPVC 27 dày	Cái	2,100	2,310
202	Nối ren ngoài uPVC 34 dày	Cái	3,600	3,960
203	Nối ren ngoài uPVC 42 dày	Cái	5,200	5,720
204	Nối ren ngoài uPVC 49 dày	Cái	6,400	7,040
205	Nối ren ngoài uPVC 60 dày	Cái	9,400	10,340
206	Nối ren ngoài uPVC 76 dày	Cái	18,400	20,240
207	Nối ren ngoài uPVC 90 dày	Cái	21,500	23,650
208	Nối ren ngoài uPVC 114 dày	Cái	41,900	46,090
209	Nối uPVC 21/ren ngoài 27 dày	Cái	1,500	1,650
210	Nối uPVC 21/ren ngoài 34 dày	Cái	2,400	2,640
211	Nối uPVC 27/ren ngoài 21 dày	Cái	1,700	1,870

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/đvt)
212	Nối uPVC 27/ren ngoài 34 dày	Cái	2,200	2,420
213	Nối uPVC 34/ren ngoài 21 dày	Cái	2,900	3,190
214	Nối uPVC 34/ren ngoài 27 dày	Cái	3,100	3,410
	NỐI REN TRONG THAU			
215	Nối ren trong thau uPVC 21 dày	Cái	10,000	11,000
216	Nối ren trong thau uPVC 27 dày	Cái	12,900	14,190
217	Nối uPVC 21/ren trong thau 27 dày	Cái	7,200	7,920
218	Nối uPVC 27/ren trong thau 21 dày	Cái	6,500	7,150
	NỐI REN NGOÀI THAU			
219	Nối ren ngoài thau uPVC 21 dày	Cái	15,200	16,720
220	Nối ren ngoài thau uPVC 27 dày	Cái	17,000	18,700
221	Nối uPVC 21/ren ngoài thau 27 dày	Cái	11,600	12,760
222	Nối uPVC 27/ren ngoài thau 21 dày	Cái	10,500	11,550
	TÊ			
223	Tê uPVC 21 mỏng	Cái	1,800	1,980
224	Tê uPVC 21 dày	Cái	2,800	3,080
225	Tê uPVC 27 mỏng	Cái	3,000	3,300
226	Tê uPVC 27 dày	Cái	4,600	5,060
227	Tê uPVC 34 mỏng	Cái	4,000	4,400
228	Tê uPVC 34 dày	Cái	7,400	8,140
229	Tê uPVC 42 mỏng	Cái	5,800	6,380
230	Tê uPVC 42 dày	Cái	9,800	10,780
231	Tê uPVC 49 mỏng	Cái	6,800	7,480
232	Tê uPVC 49 dày	Cái	14,500	15,950
233	Tê uPVC 60 mỏng	Cái	8,700	9,570
234	Tê uPVC 60 dày	Cái	24,900	27,390
235	Tê uPVC 76 mỏng	Cái	16,800	18,480
236	Tê uPVC 76 dày	Cái	47,000	51,700
237	Tê uPVC 90 mỏng	Cái	25,700	28,270
238	Tê uPVC 90 dày	Cái	62,700	68,970
239	Tê uPVC 110 mỏng	Cái	46,300	50,930
240	Tê uPVC 110 dày	Cái	103,600	113,960
241	Tê uPVC 114 mỏng	Cái	48,700	53,570
242	Tê uPVC 114 dày	Cái	127,900	140,690
243	Tê uPVC 140 mỏng	Cái	99,600	109,560
244	Tê uPVC 140 dày	Cái	217,200	238,920
245	Tê uPVC 160 mỏng	Cái	152,800	168,080
246	Tê uPVC 160 dày	Cái	375,000	412,500

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/đvt)
247	Tê uPVC 168 mỏng	Cái	132,600	145,860
248	Tê uPVC 168 dày	Cái	459,100	505,010
249	Tê uPVC 200 dày	Cái	560,909	617,000
250	Tê uPVC 220 dày	Cái	777,900	855,690
	TÊ CONG			
251	Tê cong uPVC 60 mỏng	Cái	10,900	11,990
252	Tê cong uPVC 60 dày	Cái	41,300	45,430
253	Tê cong uPVC 90 mỏng	Cái	26,700	29,370
254	Tê cong uPVC 90 dày	Cái	82,400	90,640
255	Tê cong uPVC 110 mỏng	Cái	61,100	67,210
256	Tê cong uPVC 114 mỏng	Cái	50,700	55,770
257	Tê cong uPVC 114 dày	Cái	199,000	218,900
258	Tê cong uPVC 140 dày	Cái	242,900	267,190
259	Tê cong uPVC 160 mỏng	Cái	166,400	183,040
260	Tê cong uPVC 168 dày	Cái	678,000	745,800
	TÊ CONG GIẢM			
261	Tê cong giảm uPVC 90/60 mỏng	Cái	22,600	24,860
262	Tê cong giảm uPVC 90/60 dày	Cái	73,400	80,740
263	Tê cong giảm uPVC 110/90 mỏng	Cái	51,600	56,760
264	Tê cong giảm uPVC 114/60 mỏng	Cái	47,300	52,030
265	Tê cong giảm uPVC 114/60 dày	Cái	103,300	113,630
266	Tê cong giảm uPVC 114/90 mỏng	Cái	52,300	57,530
267	Tê cong giảm uPVC 114/90 dày	Cái	160,300	176,330
268	Tê cong giảm uPVC 140/90 dày	Cái	252,700	277,970
269	Tê cong giảm uPVC 140/114 mỏng	Cái	117,000	128,700
270	Tê cong giảm uPVC 140/114 dày	Cái	330,600	363,660
271	Tê cong giảm uPVC 160/110 dày	Cái	499,200	549,120
272	Tê cong giảm uPVC 160/140 mỏng	Cái	137,800	151,580
273	Tê cong giảm uPVC 168/60 dày	Cái	335,600	369,160
274	Tê cong giảm uPVC 168/90 mỏng	Cái	123,500	135,850
275	Tê cong giảm uPVC 168/90 dày	Cái	410,400	451,440
276	Tê cong giảm uPVC 168/114 mỏng	Cái	151,100	166,210
277	Tê cong giảm uPVC 168/114 dày	Cái	502,000	552,200
	TÊ GIẢM			
278	Tê giảm uPVC 27/21 mỏng	Cái	2,200	2,420
279	Tê giảm uPVC 27/21 dày	Cái	3,400	3,740
280	Tê giảm uPVC 34/21 mỏng	Cái	3,000	3,300
281	Tê giảm uPVC 34/21 dày	Cái	5,200	5,720

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/đvt)
282	Tê giảm uPVC 34/27 mỏng	Cái	3,200	3,520
283	Tê giảm uPVC 34/27 dày	Cái	6,100	6,710
284	Tê giảm uPVC 42/21 dày	Cái	7,400	8,140
285	Tê giảm uPVC 42/27 dày	Cái	7,400	8,140
286	Tê giảm uPVC 42/34 dày	Cái	8,300	9,130
287	Tê giảm uPVC 49/21 mỏng	Cái	5,000	5,500
288	Tê giảm uPVC 49/21 dày	Cái	9,800	10,780
289	Tê giảm uPVC 49/27 mỏng	Cái	5,100	5,610
290	Tê giảm uPVC 49/27 dày	Cái	10,600	11,660
291	Tê giảm uPVC 49/34 mỏng	Cái	5,200	5,720
292	Tê giảm uPVC 49/34 dày	Cái	11,700	12,870
293	Tê giảm uPVC 49/42 mỏng	Cái	6,800	7,480
294	Tê giảm uPVC 49/42 dày	Cái	13,100	14,410
295	Tê giảm uPVC 60/21 mỏng	Cái	7,900	8,690
296	Tê giảm uPVC 60/21 dày	Cái	15,600	17,160
297	Tê giảm uPVC 60/27 mỏng	Cái	9,000	9,900
298	Tê giảm uPVC 60/27 dày	Cái	17,300	19,030
299	Tê giảm uPVC 60/34 mỏng	Cái	9,900	10,890
300	Tê giảm uPVC 60/34 dày	Cái	16,100	17,710
301	Tê giảm uPVC 60/42 mỏng	Cái	10,900	11,990
302	Tê giảm uPVC 60/42 dày	Cái	18,000	19,800
303	Tê giảm uPVC 60/49 mỏng	Cái	11,400	12,540
304	Tê giảm uPVC 60/49 dày	Cái	20,500	22,550
305	Tê giảm uPVC 76/60 dày	Cái	52,300	57,530
306	Tê giảm uPVC 90/27 dày	Cái	38,200	42,020
307	Tê giảm uPVC 90/34 dày	Cái	38,400	42,240
308	Tê giảm uPVC 90/42 dày	Cái	45,000	49,500
309	Tê giảm uPVC 90/49 dày	Cái	45,100	49,610
310	Tê giảm uPVC 90/60 mỏng	Cái	16,000	17,600
311	Tê giảm uPVC 90/60 dày	Cái	46,100	50,710
312	Tê giảm uPVC 110/60 dày	Cái	58,900	64,790
313	Tê giảm uPVC 110/90 mỏng	Cái	45,700	50,270
314	Tê giảm uPVC 110/90 dày	Cái	81,000	89,100
315	Tê giảm uPVC 114/60 mỏng	Cái	27,000	29,700
316	Tê giảm uPVC 114/60 dày	Cái	84,500	92,950
317	Tê giảm uPVC 114/90 mỏng	Cái	33,700	37,070
318	Tê giảm uPVC 114/90 dày	Cái	97,200	106,920
319	Tê giảm uPVC 140/110 mỏng	Cái	62,700	68,970

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/đvt)
320	Tê giảm uPVC 140/110 dày	Cái	167,900	184,690
321	Tê giảm uPVC 140/114 dày	Cái	173,800	191,180
322	Tê giảm uPVC 160/110 dày	Cái	297,400	327,140
323	Tê giảm uPVC 168/90 dày	Cái	290,100	319,110
324	Tê giảm uPVC 168/114 mỏng	Cái	145,800	160,380
325	Tê giảm uPVC 168/114 dày	Cái	325,700	358,270
326	Tê giảm uPVC 200/110 dày	Cái	708,200	779,020
327	Tê giảm uPVC 200/160 dày	Cái	708,200	779,020
328	Tê giảm uPVC 220/114 dày	Cái	593,800	653,180
329	Tê giảm uPVC 220/168 dày	Cái	905,300	995,830
	TÊ REN TRONG			
330	Tê ren trong uPVC 21 dày	Cái	3,700	4,070
331	Tê ren trong uPVC 27 dày	Cái	5,000	5,500
332	Tê ren trong uPVC 34 dày	Cái	7,400	8,140
333	Tê uPVC 27/ren trong 21 dày	Cái	5,300	5,830
	TÊ REN NGOÀI			
334	Tê ren ngoài uPVC 21 dày	Cái	4,000	4,400
335	Tê ren ngoài uPVC 27 dày	Cái	6,000	6,600
336	Tê ren ngoài uPVC 34 dày	Cái	9,000	9,900
	TÊ REN TRONG THAU			
337	Tê ren trong thau uPVC 21 dày	Cái	11,000	12,100
338	Tê ren trong thau uPVC 27 dày	Cái	12,200	13,420
339	Tê ren trong thau uPVC 34 dày	Cái	15,400	16,940
340	Tê uPVC 27/ren trong thau 21 dày	Cái	12,600	13,860
	TÊ REN NGOÀI THAU			
341	Tê ren ngoài thau uPVC 21 dày	Cái	13,900	15,290
342	Tê ren ngoài thau uPVC 27 dày	Cái	21,500	23,650
343	Tê uPVC 27/ren ngoài thau 21 dày	Cái	23,600	25,960
	TÊ KIỂM TRA			
344	Tê kiểm tra uPVC 90 mỏng	Cái	35,120	38,632
345	Tê kiểm tra uPVC 114 mỏng	Cái	57,970	63,767
	LỢI			
346	Lợi uPVC 21 mỏng	Cái	1,300	1,430
347	Lợi uPVC 21 dày	Cái	1,900	2,090
348	Lợi uPVC 27 mỏng	Cái	1,700	1,870
349	Lợi uPVC 27 dày	Cái	2,800	3,080
350	Lợi uPVC 34 mỏng	Cái	2,100	2,310
351	Lợi uPVC 34 dày	Cái	4,500	4,950

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/đvt)
352	Lõi uPVC 42 mỏng	Cái	2,300	2,530
353	Lõi uPVC 42 dày	Cái	6,300	6,930
354	Lõi uPVC 49 mỏng	Cái	3,000	3,300
355	Lõi uPVC 49 dày	Cái	9,600	10,560
356	Lõi uPVC 60 mỏng	Cái	4,900	5,390
357	Lõi uPVC 60 dày	Cái	14,800	16,280
358	Lõi uPVC 76 mỏng	Cái	9,400	10,340
359	Lõi uPVC 76 dày	Cái	29,900	32,890
360	Lõi uPVC 90 mỏng	Cái	13,600	14,960
361	Lõi uPVC 90 dày	Cái	33,900	37,290
362	Lõi uPVC 110 mỏng	Cái	26,300	28,930
363	Lõi uPVC 110 dày	Cái	57,500	63,250
364	Lõi uPVC 114 mỏng	Cái	31,100	34,210
365	Lõi uPVC 114 dày	Cái	70,800	77,880
366	Lõi uPVC 140 mỏng	Cái	57,600	63,360
367	Lõi uPVC 140 dày	Cái	117,100	128,810
368	Lõi uPVC 160 mỏng	Cái	95,700	105,270
369	Lõi uPVC 160 dày	Cái	131,000	144,100
370	Lõi uPVC 168 mỏng	Cái	94,600	104,060
371	Lõi uPVC 168 dày	Cái	240,000	264,000
372	Lõi uPVC 200 mỏng	Cái	166,800	183,480
373	Lõi uPVC 200 dày	Cái	241,000	265,100
374	Lõi uPVC 220 mỏng	Cái	253,300	278,630
375	Lõi uPVC 220 dày	Cái	474,300	521,730
376	Lõi uPVC 250 mỏng	Cái	386,400	425,040
377	Lõi uPVC 280 mỏng	Cái	772,800	850,080
378	Lõi uPVC 315 mỏng	Cái	785,500	864,050
	LƠI ÂM DƯƠNG			
379	Lõi âm dương uPVC 60 mỏng	Cái	8,636	9,500
	NẮP BÍT			
380	Nắp bít uPVC 21 mỏng	Cái	700	770
381	Nắp bít uPVC 21 dày	Cái	1,200	1,320
382	Nắp bít uPVC 27 mỏng	Cái	1,100	1,210
383	Nắp bít uPVC 27 dày	Cái	1,400	1,540
384	Nắp bít uPVC 34 mỏng	Cái	1,300	1,430
385	Nắp bít uPVC 34 dày	Cái	2,600	2,860
386	Nắp bít uPVC 42 mỏng	Cái	1,900	2,090
387	Nắp bít uPVC 42 dày	Cái	3,400	3,740

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/dvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/dvt)
388	Nắp bít uPVC 49 mỏng	Cái	2,200	2,420
389	Nắp bít uPVC 49 dày	Cái	5,100	5,610
390	Nắp bít uPVC 60 mỏng	Cái	3,300	3,630
391	Nắp bít uPVC 60 dày	Cái	8,700	9,570
392	Nắp bít uPVC 90 mỏng	Cái	6,800	7,480
393	Nắp bít uPVC 90 dày	Cái	20,500	22,550
394	Nắp bít uPVC 114 mỏng	Cái	13,400	14,740
395	Nắp bít uPVC 114 dày	Cái	43,900	48,290
396	Nắp bít uPVC 140 mỏng	Cái	78,700	86,570
397	Nắp bít uPVC 168 mỏng	Cái	109,100	120,010
	NẮP BÍT REN NGOÀI			
398	Nắp bít ren ngoài uPVC 21 dày	Cái	800	880
399	Nắp bít ren ngoài uPVC 27 dày	Cái	1,200	1,320
400	Nắp bít ren ngoài uPVC 34 dày	Cái	1,400	1,540
	Y			
401	Y uPVC 21 mỏng	Cái	1,700	1,870
402	Y uPVC 21 dày	Cái	1,900	2,090
403	Y uPVC 27 mỏng	Cái	3,200	3,520
404	Y uPVC 27 dày	Cái	3,600	3,960
405	Y uPVC 34 mỏng	Cái	6,000	6,600
406	Y uPVC 34 dày	Cái	8,300	9,130
407	Y uPVC 42 mỏng	Cái	6,100	6,710
408	Y uPVC 42 dày	Cái	13,500	14,850
409	Y uPVC 49 mỏng	Cái	9,000	9,900
410	Y uPVC 49 dày	Cái	37,800	41,580
411	Y uPVC 60 mỏng	Cái	16,900	18,590
412	Y uPVC 60 dày	Cái	41,000	45,100
413	Y uPVC 76 mỏng	Cái	21,400	23,540
414	Y uPVC 76 dày	Cái	62,400	68,640
415	Y uPVC 90 mỏng	Cái	35,400	38,940
416	Y uPVC 90 dày	Cái	97,300	107,030
417	Y uPVC 110 mỏng	Cái	85,000	93,500
418	Y uPVC 110 dày	Cái	89,100	98,010
419	Y uPVC 114 mỏng	Cái	57,900	63,690
420	Y uPVC 114 dày	Cái	161,000	177,100
421	Y uPVC 140 mỏng	Cái	202,000	222,200
422	Y uPVC 140 dày	Cái	327,900	360,690
423	Y uPVC 160 mỏng	Cái	258,000	283,800

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/đvt)
424	Y uPVC 160 dày	Cái	268,200	295,020
425	Y uPVC 168 mỏng	Cái	205,300	225,830
426	Y uPVC 168 dày	Cái	470,200	517,220
427	Y uPVC 200 mỏng	Cái	554,600	610,060
428	Y uPVC 200 dày	Cái	763,700	840,070
429	Y uPVC 220 dày	Cái	1,243,000	1,367,300
	Y GIẢM			
430	Y giảm uPVC 60/42 dày	Cái	40,950	45,045
431	Y giảm uPVC 60/49 dày	Cái	46,360	50,996
432	Y giảm uPVC 76/60 mỏng	Cái	15,000	16,500
433	Y giảm uPVC 90/49 dày	Cái	64,600	71,060
434	Y giảm uPVC 90/60 mỏng	Cái	20,600	22,660
435	Y giảm uPVC 90/60 dày	Cái	75,100	82,610
436	Y giảm uPVC 110/60 dày	Cái	133,000	146,300
437	Y giảm uPVC 110/90 mỏng	Cái	45,600	50,160
438	Y giảm uPVC 110/90 dày	Cái	173,200	190,520
439	Y giảm uPVC 114/60 mỏng	Cái	36,100	39,710
440	Y giảm uPVC 114/60 dày	Cái	126,200	138,820
441	Y giảm uPVC 114/90 mỏng	Cái	54,000	59,400
442	Y giảm uPVC 114/90 dày	Cái	148,600	163,460
443	Y giảm uPVC 140/60 dày	Cái	216,800	238,480
444	Y giảm uPVC 140/90 mỏng	Cái	108,700	119,570
445	Y giảm uPVC 140/90 dày	Cái	167,100	183,810
446	Y giảm uPVC 140/110 mỏng	Cái	115,400	126,940
447	Y giảm uPVC 140/110 dày	Cái	364,000	400,400
448	Y giảm uPVC 140/114 mỏng	Cái	91,500	100,650
449	Y giảm uPVC 140/114 dày	Cái	248,300	273,130
450	Y giảm uPVC 160/110 dày	Cái	380,500	418,550
451	Y giảm uPVC 160/140 dày	Cái	465,100	511,610
452	Y giảm uPVC 168/90 mỏng	Cái	124,200	136,620
453	Y giảm uPVC 168/90 dày	Cái	287,400	316,140
454	Y giảm uPVC 168/114 mỏng	Cái	163,900	180,290
455	Y giảm uPVC 168/114 dày	Cái	336,800	370,480
456	Y giảm uPVC 200/160 mỏng	Cái	708,000	778,800
457	Y giảm uPVC 200/160 dày	Cái	957,000	1,052,700
458	Y giảm uPVC 220/168 dày	Cái	1,013,100	1,114,410
	BÍCH NỐI ĐƠN			
459	Bích nối đơn uPVC 49 dày	Cái	31,200	34,320
460	Bích nối đơn uPVC 60 dày	Cái	37,900	41,690
461	Bích nối đơn uPVC 90 dày	Cái	64,100	70,510

STT	Tên Sản phẩm	Đvt	Đơn giá chưa VAT (Đồng/đvt)	Đơn giá có VAT (Đồng/đvt)
462	Bích nối đơn uPVC 114 dày	Cái	89,100	98,010
	CON THỎ			
463	Con thỏ uPVC 60	Cái	31,400	34,540
464	Con thỏ uPVC 90	Cái	63,570	69,927
	BÍT XẢ			
465	Bít xả uPVC 60 dày	Cái	9,100	10,010
466	Bít xả uPVC 90 dày	Cái	50,700	55,770
467	Bít xả uPVC 114 dày	Cái	80,600	88,660
468	Bít xả uPVC 140 dày	Cái	145,600	160,160
469	Bít xả uPVC 168 dày	Cái	237,000	260,700
	KHỚP NỐI SÔNG/ RẮC CO			
470	Rắc co uPVC 21	Cái	7,200	7,920
471	Rắc co uPVC 27	Cái	10,000	11,000
472	Rắc co uPVC 34	Cái	14,100	15,510
473	Rắc co uPVC 42	Cái	17,300	19,030
474	Rắc co uPVC 49	Cái	29,000	31,900
	TỨ THÔNG			
475	Tứ thông uPVC 90 mỏng	Cái	44,700	49,170
476	Tứ thông uPVC 114 dày	Cái	112,000	123,200
	VAN			
477	Van uPVC 21	Cái	15,100	16,610
478	Van uPVC 27	Cái	17,700	19,470
479	Van uPVC 34	Cái	30,000	33,000
480	Van uPVC 42	Cái	40,300	44,330
481	Van uPVC 49	Cái	59,000	64,900
482	Van uPVC 60	Cái	88,300	97,130
	KEO DÁN			
483	Keo 25 gram	Tuýp	3,600	3,960
484	Keo 50 gram	Tuýp	6,300	6,930
485	Keo 200 gram	Tuýp	29,800	32,780
486	Keo 500 gram	Lon	54,100	59,510
487	Keo 1000 gram	Lon	100,900	110,990

Tp Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2020.



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN QUỐC TRÍ